

Bản án số: 77/2018/DS-PT.

Ngày: 17 - 4 -2018.

V/v: Tr/c hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

Ông Võ Minh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị S**, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Giang Thị H**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Lương Xuân B**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Giang Thị H.

(Bà Đặng Thị S, bà Giang Thị H có mặt; ông Lương Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị S trình bày:

Bà Đặng Thị S có cho bà Giang Thị H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: ngày 25/11/2014 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); ngày 26/11/2014 vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); ngày 12/12/2014 vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); ngày 14/5/2015 vay 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng); ngày 03/11/2015 vay 9.600.000 đồng (chín triệu sáu trăm nghìn đồng); ngày 20/01/2016 vay 101.000.000 đồng (một trăm lẻ một triệu đồng); ngày 03/7/2016 vay 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Tổng cộng, số tiền vay là 231.600.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà S đã nhận của bà H các lần đóng lãi: ngày 04/5/2015 nhận 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); ngày 14/5/2015 nhận 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); ngày 03/11/2015 nhận 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); ngày 20/01/2016 nhận 2.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã nhận là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 23/02/2017, bà S nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền vay và lãi suất theo quy định pháp luật tính theo từng lần vay sau khi trừ số tiền lãi đã nhận.

- Bị đơn bà Giang Thị H trình bày:

Bà Giang Thị H thừa nhận có vay tiền bà Đặng Thị S đúng như các biên nhận nợ bà S cung cấp cho Tòa án, chữ ký trong biên nhận là của bà H. Khi vay hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả và có thỏa thuận miệng lãi suất vay. Tuy nhiên, bà H khai đã thanh toán tiền vốn và lãi cho bà S nhiều lần do tin tưởng bà S nên bà H không yêu cầu làm biên nhận khi nhận tiền. Tính đến nay bà H thừa nhận còn nợ bà S tổng tiền vốn là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng), bà H chỉ đồng ý thanh toán số nợ này và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Thị S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Giang Thị H.

Buộc bị đơn bà H trả cho bà S tổng số tiền vốn và lãi là 295.278.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 03/01/2018, bà Giang Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:**

Không đồng ý trả số tiền vốn và lãi 295.287.000 đồng cho bà S theo như quyết định của bản án sơ thẩm mà chỉ đồng ý trả số tiền 93.000.000 đồng vì bà

đã đóng lãi cho bà S 6%/tháng với số tiền 50.000.000 đồng; còn số tiền 30.000.000 đồng đóng lãi 10%/tháng, bà đã đóng lãi hơn một năm và lần cuối cùng bà đã trả cho bà S 20.000.000 đồng,

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn Đặng Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà S xác định khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2,5%/tháng đối với các khoản vay. Bà H đã trực tiếp đóng lãi cho bà số tiền là 8.500.000 đồng. Ngoài ra, ông Lương Xuân B (chồng bà) có nhận của bà H tiền đóng lãi 2.000.000 đồng. Tổng cộng, bà H trả cho bà tiền lãi là 10.500.000 đồng.

- Bị đơn Giang Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà H xác định chỉ nợ bà S tiền gốc 85.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng nhưng không có biên nhận. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 6%/tháng, riêng khoản vay 30.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 10%/tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà H thừa nhận các chữ ký trong biên nhận nợ với bà S là của bà. Bà H cho rằng đã nhiều lần thanh toán tiền vốn và lãi cho bà S nhưng do tin tưởng bà S nên không làm biên nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H chỉ trình bày mà không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa các lần trình bày của bà H đều không nhất với nhau: Tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn kháng cáo bà H thừa nhận còn nợ bà S số tiền vốn 93.000.000 đồng; trong quá trình thụ lý giải quyết sơ thẩm thì xác định còn nợ 80.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bà H chỉ thừa nhận nợ gốc của bà S 85.000.000 đồng nhưng đã trả được 20.000.000 đồng; nên yêu cầu của bà H về việc tính lại số tiền vay là không cơ sở xem xét. Về tính lãi suất: Các bên đương sự trình bày không thống nhất, bà S xác định lãi suất 2,5%/tháng; bà H lại cho rằng lãi suất là 6% và 10%, như vậy giữa các bên đương sự đang có tranh chấp về lãi suất nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự để tính lãi 1,125%/tháng là chưa đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 – Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Giang Thị H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lãi suất và án phí phù hợp với quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Lương Xuân B đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông B theo quy định Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Bà Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu bà Giang Thị H phải trả số tiền vay tổng cộng là 231.600.000 đồng, được thể hiện qua các biên nhận có chữ ký của bà H. Bà S yêu cầu bà H phải trả lãi theo quy định pháp luật, đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà H đã trả 10.500.000 đồng.

Bà H thừa nhận có vay tiền của bà S, các chữ ký trong biên nhận là của bà nhưng không thống nhất tổng số tiền nợ theo yêu cầu của bà S, bà H cho rằng đã thanh toán tiền vay cho bà S nhiều lần nhưng do tin tưởng nên không làm biên nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H chỉ thừa nhận số tiền gốc nợ bà S là 85.000.000 đồng nhưng đã trả được 20.000.000 đồng, không ghi biên nhận.

* Xét kháng cáo của bà Giang Thị H về số nợ tiền vốn gốc, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án, thấy rằng:

Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà S và bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 122, khoản 1 Điều 124 Bộ Luật dân sự năm 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và hình thức giao dịch dân sự. Bà H thừa nhận có vay tiền bà S, thừa nhận các chữ ký trong biên nhận nợ là do bà ký tên nhưng bà H cho rằng đã thanh toán cho bà S nhiều lần, do tin tưởng nên không làm biên nhận. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày bà H không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc đã nhiều lần thanh toán nợ cho bà S. Đồng thời, các lần trình bày của bà H về số tiền nợ đều không thống nhất với nhau: Giai đoạn xét xử sơ thẩm - tại bản tự khai ngày 18/4/2017 (BL 14), bà H xác định còn nợ bà S tiền vốn 80.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn kháng cáo thì thừa nhận còn nợ số tiền vốn 93.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận chỉ còn nợ bà S 85.000.000 đồng nhưng đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc.

Về phía bà S không đồng ý với lời trình bày của bà H. Bà S xác định: Bà H chỉ trả lãi tổng cộng được 10.500.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu tính lại tiền vốn bà đã thanh toán cho bà S nhưng bà H ngoài lời khai nại cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về phần này là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc vay của bà S theo các biên nhận nợ là 231.600.000 đồng là có căn cứ.

* Về yêu cầu tính lãi suất vay:

Bà H kháng cáo không đồng ý trả lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên. HĐXX thấy rằng: Theo lời khai của bà S lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, còn bà H xác định lãi suất của các khoản vay là 6%/ tháng, riêng khoản vay 30.000.000 đồng lãi suất là 10%/tháng. Các biên nhận nợ không thể hiện lãi suất, lời trình bày hai bên đương sự cũng không thống nhất về lãi suất.

Tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 tính lãi 1,125%/ tháng đối với khoản vay 231.600.000 đồng là chưa phù hợp. Do vậy, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lãi suất lại cho phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 476 – Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 05/11/2011 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% năm (0,75%/ tháng). Lãi suất được tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể các khoản như sau:

Lần 1: Ngày 25/11/2014 vay $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 36 \text{ tháng} 18 \text{ ngày}] = 13.725.000 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 26/11/2014 vay $[(30.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 36 \text{ tháng} 17 \text{ ngày}] = 8.227.500 \text{ đồng}$.

Lần 3: Ngày 12/12/2014 vay $[(5.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 \%) \times 36 \text{ tháng} 01 \text{ ngày}] = 1.351.000 \text{ đồng (làm tròn)}$.

Lần 4: Ngày 14/5/2015 vay $[(24.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 30 \text{ tháng} 29 \text{ ngày}] = 5.574.000 \text{ đồng}$.

Lần 5: Ngày 03/11/2015 vay $[(9.600.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 25 \text{ tháng} 10 \text{ ngày}] = 1.824.000 \text{ đồng}$.

Lần 6: Ngày 20/01/2016 vay $[(101.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 22 \text{ tháng} 23 \text{ ngày}] = 17.245.000 \text{ đồng (làm tròn)}$.

Lần 7: Ngày 03/7/2016 vay $[(12.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 17 \text{ tháng} 10 \text{ ngày}] = 1.560.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là 49.506.500 đồng.

Bà S thừa nhận đã nhận của bà H tiền lãi là 8.500.000 đồng. Ông Lương Xuân B (chồng bà S) xác nhận ngày 21/01/2016 có nhận của bà H 2.000.000 đồng. Nên tổng số tiền lãi bà S, ông B nhận là 10.500.000 đồng. Cấn trừ tiền lãi đã trả, bà S còn phải trả cho bà H tiền lãi là 49.506.500 đồng – 10.500.000 đồng = 39.006.500 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và lãi bà S phải trả cho bà H là:

231.600.000 đồng + 39.006.500 đồng = 270.606.500 (*hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm*) đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Giang Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2017/DS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Giang Thị H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Đặng Thị S là 270.606.500 đồng x 5% = 13.530.000 đồng (làm tròn).

Bà S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Giang Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Giang Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 122 ; khoản 1 Điều 124; Điều 471; Khoản 1 Điều 474; khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Giang Thị H.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 60/2017/DS-ST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn Giang Thị H.

Buộc bà Giang Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị S tổng số tiền vốn và lãi là 270.606.500 (*Hai trăm bảy mươi triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm*) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Giang Thị H phải chịu: 13.530.000 (*Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn*) đồng.

Bà Đặng Thị S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003371 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Giang Thị H không phải nộp án phí phúc thẩm, bà Giang Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0001790 ngày 10/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
- Chi cục THADS thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hường

